

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HS-PT

Ngày 10-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và Bà Phạm Thị Mai Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo- Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 97/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 13/3/2005 tại **xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương**; nơi cư trú: **Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị H**; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 14/12/2023 chuyển tạm giam, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh H** (có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Lê Công C, sinh ngày 05/4/2009 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 14 tuổi 07 tháng 29 ngày) tại **huyện G, tỉnh Hải Dương**; nơi cư trú: **Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 7/12 (bỏ học từ ngày 29/11/2023); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Công M** và bà **Trung Thị N**; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 14/12/2023 chuyển tạm giam, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh H**;

Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/10/2008 (đến ngày thực hiện hành vi phạm

tội bị cáo 15 tuổi 01 tháng 11 ngày) tại huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Vũ Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 14/12/2023 chuyển tạm giam, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H;

Nguyễn Tú A, sinh ngày 26/01/2007 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 08 ngày) tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Hà Thị V1; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 14/12/2023 chuyển tạm giam, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H;

Các bị cáo C, T, Tú A đều vắng mặt.

- Bị hại:

+ Cháu Lương Gia H2, sinh ngày 11/9/2008;

Người đại diện hợp pháp: Anh Lương Đức T1, sinh năm 1986; đều cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Cháu Vũ Văn D, sinh ngày 25/6/2008;

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Thị M1, sinh năm 1985; đều cư trú tại: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Cháu Nhữ Đình L, sinh ngày 08/02/2007;

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988; đều cư trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Cháu Nhữ Đình Long N1, sinh ngày 08/02/2008;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H3, sinh năm 1972; đều cư trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nhữ Đình Long N1, Lương Gia H2 và Vũ Văn D: Bà Nguyễn Thị C2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

Các bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Công C quen biết với Nguyễn Thị Diễm Q từ khoảng tháng 6/2023. Khoảng 10 giờ ngày 04/12/2023, C khiển xe mô tô nhãn hiệu AirBlade không đeo biển kiểm soát (là xe có BKS 34B5-109.14 Cường mượn của anh Nguyễn Ngọc

P, sinh năm 1995, trú tại số E P, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; anh P mượn của anh Đăng Văn T3, sinh năm 1995, trú tại số C P, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương) mà C đã tháo BKS ra cất trong cốp nhằm tránh sự phát hiện của mọi người, đi từ nhà đến nhà Q, sau đó cả 2 cùng đi đến nhà Nguyễn Minh T chơi. Tại nhà T có Nguyễn Tú A đang ngồi chơi cùng. Cả 4 người ngồi chơi được một lúc thì Tú A nói với cả nhóm “Bây giờ không có tiền tiêu”, C nói “Thế thì bây giờ chỉ có đi cướp thôi, cướp 2 xe điện và 1 xe máy, 2 xe điện bán lấy tiền tiêu, còn xe máy để T và Tú A đi rồi tất cả đi Hải Phòng chơi, ý chúng mày thế nào”, Q, T, Tú A đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C bảo T, Tú A chuẩn bị đồ (hung khí). Tú A đi vào phòng ngủ trong nhà T tìm được 2 vỏ chai bia thủy tinh loại Heineken cho vào balo của Tú A. T điều khiển xe mô tô trên, chở Q, C, Tú A cầm theo balo bên trong có 2 vỏ chai bia đi trên các tuyến đường để tìm người nào sơ hở thì đe dọa để chiếm đoạt tài sản.

Trên đường đi ở khu vực huyện N, C thấy ở rìa đường có vỏ chai bia nên dừng xe bảo Tú A xuống nhặt thêm, Tú A xuống nhặt khoảng 5 vỏ chai bia cho vào balo rồi tiếp tục lên xe đi. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, cả nhóm đi đến đường A thuộc địa phận thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương phát hiện cháu Lương Gia H2, sinh ngày 11/9/2008, trú tại thôn T, xã Q đang điều khiển xe máy điện (không gắn BKS) chở cháu Vũ Văn D, sinh ngày 25/6/2008, trú tại thôn V, xã Q đi cùng chiều, C bảo T điều khiển xe áp sát để ép xe của cháu H2 vào lề đường, Tú A cầm vỏ chai bia đập vào đầu xe máy điện cháu H2 bị hư hỏng nhẹ, làm chai bia bị vỡ rơi xuống đường, đồng thời ép cháu H2 phải điều khiển xe vào đoạn đường vắng để tránh bị phát hiện. C, T, Tú A, Q xuống xe thấy cháu H2 và cháu D đang cầm điện thoại trên tay nên C yêu cầu 2 cháu đưa điện thoại, đồng thời cung cấp mật khẩu máy. Tú A lấy điện thoại nhãn hiệu Vivo Y20 của cháu D, C lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 của cháu H2 đưa cho Q. C bảo T giật chìa khóa xe của cháu H2 mở cốp phát hiện có 110.000 đồng, C lấy cất giấu vào túi quần rồi cả nhóm lên xe đi về khu vực huyện T, tỉnh Hải Dương. Khi đi đến cửa hàng Đ1 ở số H, đường A thị trấn T, huyện T (do chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1997, nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên làm chủ), C bảo Q vào cửa hàng bán chiếc điện thoại Vivo Y20 cho chị L1 được 800.000 đồng rồi cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, T tiếp tục chở cả nhóm đi đến địa bàn huyện B để cướp tài sản. Khi đi đến đường T thuộc địa phận thôn B, xã B, huyện B, cả nhóm phát hiện thấy cháu Nhữ Đình Long N1, sinh ngày 25/9/2008 điều khiển xe máy điện BKS 34MD6 - 000.75 (xe của cháu Nhữ Đình L, sinh ngày 08/02/2007 cùng trú tại thôn V, xã T, huyện B) chở cháu L đi phía trước cùng chiều, C nói với T đi vượt lên rồi ép chặn yêu cầu cháu N1 dừng xe vào lề đường. Tú A cầm 1 vỏ chai bia, đưa cho C 1 vỏ chai bia rồi tiến về phía cháu N1 và cháu L, C giơ vỏ chai lên chỉ về phía cháu L, cháu N1 đe dọa, T giật chìa khóa xe bắt cháu L mở cốp nhưng không có gì. T lấy chìa khóa của cháu L đưa cho C mở khóa điện rồi chở T bỏ chạy về hướng thị trấn K, Tú A quay lại điều khiển xe mô tô chở Q đi phía sau tìm chỗ tiêu thụ xe nhưng chưa tìm được nên cả nhóm đi đến Nhà nghỉ H4 ở thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương thuê phòng ngủ. Khoảng 10 giờ ngày

05/12/2023, cả nhóm đi đến cửa hàng C3 ở Khu E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, C và Tú A đứng ngoài đợi, T và Q vào bán xe máy điện BKS 34MĐ6-000.75 cho chị Bùi Thị M2, sinh năm 1981 (là chủ cửa hàng) được 2.600.000 đồng. Sau khi bán được xe, T điều khiển xe chở C, Q, Tú A đến cửa hàng T5 ở thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương để dán decal thay đổi màu xe để tránh sự phát hiện của lực lượng chức năng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 04/12/2023, cháu L làm đơn trình báo Công an huyện B, ngày 05/12/2023 cháu D làm đơn trình báo Công an huyện T về việc bị đe dọa rồi chiếm đoạt tài sản. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tổ chức rà soát, xác minh, đến 17 giờ ngày 05/12/2023, Cơ quan Cảnh sát phát điều tra Công an huyện B phát hiện C, Q, T và Tú A đang có mặt tại cửa hàng T5 nên triệu tập về trụ sở Công an huyện để làm việc, đồng thời quản lý xe mô tô nhãn hiệu Air Blade không đeo BKS. Tại Cơ quan điều tra Q giao nộp 1 điện thoại nhãn hiệu Iphone7 đã chiếm đoạt của cháu H2 và điện thoại Iphone XS max của Q; Tú A giao nộp 1 ba lô đựng 5 vỏ chai bia; ngày 05/12/2023, chị M2 tự nguyện giao nộp xe máy điện BKS 34MĐ6-000.75; ngày 15/12/2023, chị L1 tự nguyện giao nộp 1 điện thoại nhãn hiệu ViVo Y20 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Ngày 05/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ 16 mảnh thủy tinh, 2 mảnh nhựa.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 26/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình

hình sự huyện B kết luận: 1 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 của cháu H2 trị giá 1.000.000 đồng; 1 điện thoại Vivo Y20 của cháu D trị giá 600.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Xe máy điện BKS 34M6-000.75 của cháu L trị giá 4.833.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 16 mảnh thủy tinh, 2 mảnh nhựa, 5 vỏ chai, 1 balo, 1 điện thoại IphoneXs max (quản lý của Q) hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện để xử lý trong giai đoạn xét xử. Đối với xe máy điện BKS 34MĐ6-000.75, ngày 08/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã trả lại cho cháu Nhữ Đình L; ngày 20/12/2023 trả lại xe mô tô nhãn hiệu AirBlade và BKS 34B5-109.14 cho anh Đặng Văn T4; ngày 30/01/2023 trả lại điện thoại Iphone 7 cho cháu H2 và điện thoại Vivo Y20 cho cháu D.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, cháu H2, cháu D, cháu L không yêu cầu các bị can phải bồi thường; số tiền 110.000 đồng của cháu H2 và số tiền 800.00 đồng của chị L1 bỏ ra mua điện thoại, cháu H2 và chị L1 tự nguyện cho các bị cáo, không yêu cầu trả lại. Đối với số tiền 2.600.000 đồng chị M2 bỏ ra mua xe, ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ bị cáo Q đã trả lại cho chị M2, chị M2 không yêu cầu gì; ông Đ không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền ông đã trả chị M2. Trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T** và **Nguyễn Tú A**; thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với **Lê Công C**.

Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T**, **Nguyễn Tú A** và **Nguyễn Thị Diễm Q** phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q** 09 năm 03 tháng tù; bị cáo **Nguyễn Tú A** 07 năm 06 tháng tù; bị cáo **Lê Công C** 05 năm 03 tháng tù; bị cáo **Nguyễn Minh T** 05 năm tù. Thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày 06/12/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Ngày 03/6/2024 bị cáo **Q** kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Q** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện như bản án sơ thẩm xác định, bị cáo nộp bổ sung biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo nhất trí với các nội dung của bản án sơ thẩm, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ về hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt, có đơn trình bày quan điểm của các bị hại, tiếp tục xin giảm nhẹ cho bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 6.543.000 đồng, bị truy tố theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đã nộp án phí hình sự sơ thẩm nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo **Q** có nhân thân tốt, là phụ nữ, giữ vai trò sau cùng trong vụ án, nên đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**

Căn cứ: điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm

h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Q** từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù về tội Cướp tài sản, thời hạn tính từ ngày 06/12/2023.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽³⁴⁾

[1] Kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q** trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và các bị cáo khác, người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 04/12/2023, tại đường A thuộc thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương, **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T**, **Nguyễn Thị Diễm Q** và **Nguyễn Tú A** có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AirBlade không đeo BKS ép chặn, dùng vũ lực (sử dụng vỏ chai bia - là hung khí nguy hiểm- đập vào đầu xe máy điện) đối với cháu **Lương Gia H2** và cháu **Vũ Văn D**, rồi chiếm đoạt của cháu **Lương Gia H2** (15 tuổi 5 tháng 9 ngày) 1 điện thoại Iphone 7 trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 110.000 đồng, cháu **Vũ Văn D** (15 tuổi 2 tháng 23 ngày) 1 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y20 trị giá 600.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 04/12/2023, tại đường T thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, Cường, **T**, **Q**, **Tú A** có hành vi điều khiển xe mô tô AirBlade không đeo BKS ép chặn, dùng vũ lực (sử dụng vỏ chai bia - là hung khí nguy hiểm) đối với cháu **Nhữ Đình Long N1**, 15 tuổi 2 tháng 9 ngày, đang điều khiển xe máy điện BKS 34MĐ6 - 000.75 chở cháu **Nhữ Đình L**, sinh năm 2007, rồi chiếm đoạt chiếc xe máy điện BKS 34MĐ6 - 000.75 (là tài sản của cháu **Nhữ Đình L**) trị giá 4.833.000 đồng. Tổng số tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt trong cả 2 lần trị giá 6.543.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ; các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Cướp tài sản, quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo sử dụng phương tiện, hung khí nguy hiểm để thực hiện về hành vi cướp tài sản đối với người dưới 16 tuổi, nên phải trách nhiệm hình sự về tội Cướp tài sản quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, như kết án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo

không có sự câu kết chặt chẽ. Bị cáo **C** là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác phạm tội, đồng thời thực hành tích cực trong cả 2 lần thực hiện tội phạm nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo **Nguyễn Tú A**, chuẩn bị công cụ là chai bia, trực tiếp sử dụng vũ lực đập chai bia vào xe máy điện cháu **H2** điều khiển trong vụ cướp thứ nhất và đưa chai bia cho bị cáo **C** để **C** thực hiện hành vi phạm tội đối cháu **L**, cháu **N1** trong vụ cướp thứ 2; bị cáo **T** lái xe, tích cực giúp sức cho cả nhóm thực hiện tội phạm, đồng thời **T** trực tiếp giật chìa khoá của bị hại để cho **C** mở khoá xe điện xe của bị hại để tìm tài sản chiếm đoạt, nên bị cáo **Tú A** và **T** cùng giữ vai trò thực hành tích cực sau **C**; bị cáo **Q** chỉ đồng ý đi cùng nhóm và ngồi trên xe máy, là người giúp sức về tinh thần, giữ vai trò thứ yếu sau cùng trong đồng phạm.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là đúng. Tuy nhiên, xem xét thêm thì thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 6.543.000 đồng, các bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo là thiếu. Ngoài ra đối với bị cáo **Q**, tại giai đoạn phúc thẩm đã nhờ gia đình nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm cho bị cáo **Q**.

[6]. Xét kháng cáo của bị cáo **Q** xin giảm nhẹ hình phạt.

Cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vị trí vai trò của bị cáo trong đồng phạm các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với bị cáo **Q**. Tuy nhiên, mức hình phạt 9 năm 3 tháng tù đối với bị cáo **Q** là nặng, do áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ và chưa tương xứng với vai trò thứ yếu của bị cáo **Q** trong vụ án. Xét bị cáo **Q** có nhân thân tốt, vai trò vị trí thứ yếu trong đồng phạm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Q**, áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để áp dụng mức phạt tù tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Q**.

[7]. Đối với các bị cáo còn lại gồm **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T**, **Nguyễn Tú A** không kháng cáo, tuy nhiên, xét thấy việc cấp sơ thẩm chưa áp dụng đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có phần nặng, căn cứ vào khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm mức hình phạt đối với 3 bị cáo cho tương xứng.

[8]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **Q** được chấp nhận, nên bị cáo **Q** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**; **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T**, **Nguyễn Tú A**

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; **Khoản 1 Điều 54**; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q**.

Căn cứ vào: Điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, **điểm h** khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T** và **Nguyễn Tú A**; căn cứ thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với **Lê Công C**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q** 6 (sáu) năm 9 (chín) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tú A** 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Lê Công C** 4 (bốn) năm 9 (chín) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2023.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Nguyễn Thị Diễm Q** không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. **Xác nhận bị cáo Q đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu ký hiệu BLTT/23 số 0001210 ngày 28/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.**

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị (ngoài phần hình phạt đối với **Lê Công C**, **Nguyễn Minh T**, **Nguyễn Tú A** đã được quyết định nêu trên) có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND huyện Bình Giang;
- CQCSĐT, CQHSNV Công an huyện Bình Giang;
- VKSND huyện Bình Giang.
- **Cục THADS tỉnh Hải Dương;**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các bị cáo;
- Bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Cường